

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ninh Ngọc Tú.

2. Bà Phạm Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vy Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa:*** Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nông Thị B, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Đàm Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B và anh Đàm Văn H đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã K cũ (nay là xã t), huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hai người được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng bố mẹ chồng tại thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; được khoảng một năm thì vợ chồng chuyển về nhà ngoại tại thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Sinh sống ở T được khoảng một năm thì anh Đàm Văn H tự về nhà bố mẹ ở và không đón mẹ con chị Nông Thị B về cùng, hai vợ chồng cũng ly thân từ đó. Chị Nông Thị B cũng không rõ nguyên nhân vì sao anh Đàm Văn H làm như vậy, cả hai cũng không nói chuyện rõ ràng, kể cả đến các ngày lễ tết cũng mặc kệ mẹ con chị Nông Thị B không quan tâm hỏi han đến.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận; sau đó anh Đàm Văn H thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không chịu cố gắng làm ăn. Kinh tế trong gia đình đều do chị Nông Thị B kiếm tiền để nuôi cả nhà nên cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian ly thân, chồng cũng không phụ giúp vợ chăm sóc con cái, không hỏi thăm gì đến cháu. Nay chị Nông Thị B xác định thời gian ly thân đã lâu (từ năm 2013) và chị cũng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đàm Thị Tố U, sinh ngày 11/4/2011, hiện đang ở cùng mẹ; khi ly hôn, chị Nông Thị B yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đàm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Đàm Văn H:** Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đã đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nông Thị B được ly hôn với anh Đàm Văn H. Chị Nông Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Đàm Văn H, có hộ khẩu thường trú, cư trú tại thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B và anh Đàm Văn H kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Mâu thuẫn gia đình xảy ra theo nguyên đơn trình bày, là sau khi cả hai vợ chồng cùng về nhà ngoại ở tại thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn sinh sống được khoảng một năm thì anh Đàm Văn H bắt đầu thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không chí thú làm ăn; trong khi chị Nông Thị B vất vả, lao động kiếm tiền lo kinh tế trong gia đình. Chính vì vậy mà vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và anh Đàm Văn H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, bỏ mặc vợ con mà không nói rõ lý do. Vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi từ năm 2013 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, kể cả ngày lễ tết anh Đàm Văn H cũng không hỏi han, không đón về chung sống, không tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Bản thân chị Nông Thị B đã xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn để giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

[4] Tại biên bản xác minh với trưởng thôn D xác định cuộc sống vợ chồng anh Đàm Văn H, chị Nông Thị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Đàm Văn H rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn nên vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nông Thị B và anh Đàm Văn H đã thực sự trầm trọng, diễn ra trong một thời gian dài; đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có hạnh phúc; yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung thấy rằng: Cháu Đàm Thị Tố U (sinh ngày 11/4/2011), từ khi sinh ra đã do chị Nông Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Khi con chung chưa được 03 tuổi, thì anh Đàm Văn H đã bỏ con một mình về quê sinh sống, không quan tâm đến con cái; để mặc cho chị Nông Thị B một mình kiếm tiền, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện người con chung đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị Nông Thị B tại huyện T, phát triển tốt, bình thường như những đứa trẻ khác. Ngoài ra, việc trong quá trình giải quyết vụ án anh Đàm Văn H không hợp tác, không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, sự ổn định trong sinh hoạt, học tập, cần giao con chung cho chị Nông Thị B được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ

18 tuổi; điều này cũng phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của con chung. Theo quy định pháp luật, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; tuy nhiên mặc dù đã được giải thích rõ quy định pháp luật nhưng các đương sự trong vụ án không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 33, 56, 57, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Quan hệ hôn nhân:**

Xử cho chị Nông Thị B được ly hôn với anh Đàm Văn H.

(Đăng ký kết hôn số 40 ngày 24/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã K < nay là xã T >, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.).

#### **2. Con chung:**

Chị Nông Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Đàm Thị Tô U, sinh ngày 11/4/2011 cho đến khi con chung

trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Đàm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nông Thị B không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Tài sản chung, khoản nợ chung:** Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Án phí:**

Chị Nông Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước; xác nhận đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004269 ngày 30/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Mạnh Cường**